**BÁO CÁO CÔNG VIỆC BẢO DƯỠNG TRẠM VŨNG TÀU 06**

***Hạng mục bảo dưỡng: Hệ thống VSAT***

1. **Thiết bị dùng cho công việc bảo dưỡng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên thiết bị** | **Hãng sản xuất** | **Model** | **Ghi chú** |
| Đồng hồ đo điện | WADFOW | CAT II 600V |  |
| Máy tính cá nhân | DELL | Vostro 3430 |  |

1. **Kiểm tra và bảo dưỡng ăng ten VSAT autotracking**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Nội dung thực hiện** | **Hình ảnh** | | **Đánh giá** | |
| **Đạt** | **Không đạt** |
| 1 | Vệ sinh, làm sạch Radome. |  |  | 🗹 | ☐ |
| 2 | Kiểm tra, đo kiểm nguồn cấp cho BUC, LNB  - BUC: 24 VDC, LNB: 13-18 VDC | Nguồn LNB Nguồn BUC | | 🗹 | ☐ |
| 3 | Kiểm tra và vệ sinh sạch sẽ các đầu connector cáp đồng trục kết nối từ thiết bị indoor đến BUC, LNB, làm sạch đầu kim hỏa đảm bảo kết nối và tiếp xúc tốt. |  |  | 🗹 | ☐ |
| 4 | Kiểm tra cáp kết nối không bị dập, các điểm uốn cáp phải đảm bảo lớn hơn 300, bó lại cáp gọn gằng, chắc chắn. |  | | 🗹 | ☐ |
| 5 | Bôi mỡ chống rỉ sét các ty ốc của chân đế ăng ten VSAT |  | | 🗹 | ☐ |
| 6 | Tiến hành sơn phủ đối với chân đế, gá đỡ ăng ten nếu có tình trạng rỉ sét |  | | 🗹 | ☐ |
| 7 | Kiểm tra đèn báo trên các thiết bị Indoor, vệ sinh bề mặt các thiết bị indoor |  | | 🗹 | ☐ |
| 8 | Kiểm tra các thông số hoạt động trên ACU ăng ten dựa trên các thông số cũ đã cài đặt. |  | | 🗹 | ☐ |
| 9 | Đi gọn cáp nguồn, cáp tín hiệu trong tủ rack indoor và khu vực làm việc của tàu, tag name lại cáp nguồn, cáp tín hiệu đã bị mờ |  | | 🗹 | ☐ |
| 10 | Đo kiểm đánh giá chất lượng tín hiệu đầu ra từ LNB: kiểm tra mức thu thay đổi tương ứng bằng cách thay đổi công suất phát từ đường phát (Hub) trong khoảng ± 2 dB |  | | 🗹 | ☐ |
| 11 | Kiểm tra mức thu-phát của ăng ten VSAT, phối hơp với nhà mạng vệ tinh test CPI (> 30dB) để đảm bảo mức thu- phát ổn định và đạt các thông số yêu cầu khi đăng nhập trạm. |  | | 🗹 | ☐ |
| 12 | Mô phỏng các tình huống mất kết nối. Kiểm tra thời gian mà Autotracking antena cần để phát hiện và tự động căn chỉnh để đảm bảo kết nối trở lại bình thường với 2 tình huống sau:  - Tắt bật nguồn hệ thống, kiểm tra thời gian kết nối trở lại của hệ thống sau khi bật nguồn (dưới 15 phút)  - Anten bị che chắn: kiểm tra thời gian kết nối trở lại của hệ thống sau khi kết thúc che chắn (dưới 5 phút) |  | | 🗹 | ☐ |
| 13 | - Kiểm tra và ghi nhận chất lượng dịch vụ thoại, email, Svodka… do TTCNTT&LL cung cấp cho các tàu. |  | | 🗹 | ☐ |
| 14 | Tiến hành quấn băng keo, cao su non, phủ silicon cho các kết nối ngoài trời đảm bảo các kết nối được chắc chắn, không thấm nước để hoạt động lâu dài. |  | | 🗹 | ☐ |
| 15 | Theo dõi tình trạng hoạt động sau bảo dưỡng |  | | 🗹 | ☐ |
| 16 | Ký biên bản nghiệm bảo dưỡng đợt trạm vệ tinh đợt 1 | Đính kèm theo phụ lục | | 🗹 | ☐ |

1. **Các khuyến nghị sau khi thực hiện bảo dưỡng**

Tiếp tục thực hiện bảo dưỡng và kiểm tra định kỳ để đảm bảo hoạt động ổn định lâu dài cho các thiết bị

1. **Kết luận**

Dựa trên kết quả các công việc đã thực hiện bên trên, hai bên thống nhất tiến hành kiểm tra, nghiệm thu các hạng mục đạt yêu cầu cho công việc bảo dưỡng và đáp ứng hoạt động của hệ thống.